

Số: /QĐ-UBND

Nguyệt An, ngày tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn.**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỆT AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày

31/8/2021 của Bộ Xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Số 60/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn;

Căn cứ các Quyết định: Số 228/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn quản lý dự án Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn; số 251/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn; số 286/QĐ-UBND ngày 16/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT, tư vấn thẩm tra báo cáo KTKT dự án Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn; số 295/QĐ-UBND ngày 18/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn; số 301/QĐ-UBND ngày 19/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn;

Theo đề nghị của đơn vị QLDA (Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An) tại Tờ trình số 110/TTr-TA ngày 30/03/2026 về việc phê duyệt dự án: Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn (Kèm theo thông báo thẩm định số 99/TĐ-KT ngày 31/3/2026 của phòng Kinh tế).

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Xã Nguyệt Ấn, tỉnh Thanh Hóa.
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn.

**4. Chủ đầu tư:** UBND xã Nguyệt Ấn.

**5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng:** Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Đông Sơn.

**6. Tổ chức tư vấn thẩm tra lập báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:** Công ty cổ phần xây dựng Đa Hà

**7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

**8. Mục tiêu dự án:** Khắc phục thiệt hại do lũ lụt gây ra, đảm giao thông được thông suốt và an toàn cho người và các phương tiện đi lại trên tuyến đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa, giảm thiểu khó khăn cho Nhân dân thôn Cao Sơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội xã Nguyệt Ấn.

**9. Quy mô đầu tư xây dựng:**

**\* Nền, mặt đường**

- Chiều dài tuyến thiết kế  $L = 72,49\text{m}$ :

- Tốc độ thiết kế  $V_{tk} = 20\text{km/h}$ ;

- Chiều rộng nền đường  $B_n = 6,5\text{m}$ ;

- Đào đắp kết hợp máy thi công và thủ công

- Chiều rộng mặt đường  $B_m = 3,5\text{m}$ , Bê tông M300# dày 20cm, đá 1x2cm.

Kết hợp rải ni long chống mất nước xi măng và xoa mặt.

- Lớp móng cấp phối đá dăm lớp dưới dày 15cm

- Chiều rộng lề đường  $B_{lề} = 2 \times 1,5\text{m}$ ;

**\* Công trình thoát nước:**

- Thiết kế bằng BTCT Cống D100 ( $L = 3\text{m}/1$  đốt) tải trọng HL93.

- Đá dăm đệm long đáy dày 10cm

- Bê tông móng, sân cống M200# đá 1x2cm

- Bê tông tường cánh, tường thân hồ thu, mỗi nối M250# đá 1x2cm

*(Có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)*

**10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.**

- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: Thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;
- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng đường ô tô 22 TCN 223:95;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;
- Tiêu chuẩn màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887:2008;
- Công tròn bê tông cốt thép được thiết kế theo định hình thiết kế 78-02X;533-01-01; 533-01-02;
- Kết cấu thép tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 338:2005;
- Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật khác có liên quan.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác liên quan.

**11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 599.510.000 đồng.** (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn đồng), trong đó:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Giá trị
1	Chi phí xây dựng	512.558.203
2	Chi phí quản lý dự án	14.224.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	58.210.257
4	Chi phí khác	3.917.207
5	Chi phí dự phòng	10.600.374
<b>Tổng cộng</b>		<b>599.510.000</b>

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

**12. Tiến độ thực hiện dự án:** Năm 2025 - 2026.

**13. Nguồn vốn đầu tư:** Từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ; nguồn tỉnh Gia Lai, tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ và nguồn dự phòng ngân sách tỉnh hàng năm tại Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh.

**14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Thuê tư vấn quản lý dự án.

**15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư:** Thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Đơn vị Quản lý dự án (Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An), Đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT (Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Đông Sơn), Đơn vị tư vấn thẩm tra lập báo cáo KTKT (Công ty cổ

phần xây dựng Đa Hà) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về trình tự, thủ tục, tính chính xác, phù hợp của nội dung đề nghị phê duyệt dự án.

Giao chủ đầu tư, đơn vị Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, thẩm quyền thực hiện các bước tiếp theo, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế; Chủ đầu tư, Giám đốc công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An, Phòng giao dịch số 9 - KBNN khu vực số XI và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND xã (để b/c);
- Trang TT điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Đình Thường**

**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG****Dự án: Đường giao thông thôn Cao Sơn đi xã Minh Sơn.***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn)**Đơn vị tính: Đồng*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>1</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>							<b>Ggpmb</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>473.001.507</b>	<b>39.556.696</b>	<b>512.558.203</b>	<b>Gxd</b>
2.1	Chi phí xây dựng công trình chính				473.001.507	39.556.696	512.558.203	
2.1.1	Nền, mặt đường, công thoát nước		1	Theo bảng TH dự toán hạng mục	473.001.507	39.556.696	512.558.203	
<b>3</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,024%</b>		<b>Theo QĐ số 251/QĐ - UBND ngày 09/3/2026</b>	<b>13.170.370</b>	<b>1.053.630</b>	<b>14.224.000</b>	<b>Gqlda</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>53.898.386</b>	<b>4.311.871</b>	<b>58.210.257</b>	<b>Gtv</b>
4.1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật			Theo QĐ số 295/QĐ - UBND ngày 18/3/2026	36.851.852	2.948.148	39.800.000	
4.2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)			Theo QĐ số 301/QĐ - UBND ngày 19/3/2026	1.896.296	151.704	2.048.000	
4.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	15.150.238	1.212.019	16.362.257	
<b>5</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>3.917.207</b>		<b>3.917.207</b>	<b>Gk</b>
5.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
5.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0,57%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	3.417.207		3.417.207	
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>						<b>10.600.374</b>	<b>Gdp</b>
6.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	1,8%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			10.600.374	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>543.987.470</b>	<b>44.922.197</b>	<b>599.510.041</b>	<b>Gxdet</b>
	<b>Làm tròn</b>						<b>599.510.000</b>	

*Số tiền bằng chữ: Năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn đồng./.*